

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212; Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 13 tháng 8 năm 2020 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 75/2020/TLST- DS ngày 10 tháng 6 năm 2020.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ A. Địa chỉ: Số 130 Phan Đăng Lưu, phường 3, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh;

+ Người đại diện theo pháp luật: Ông V M T – Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Đ A.

+ Người đại diện theo uỷ quyền: Ông T M T (Quyết định uỷ quyền thường xuyên số 760/QĐ-DAB-PC ngày 15/5/2017 của Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP Đ A)

Địa chỉ: Số 421 Trần Phú, phường Thống Nhất, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.

- **Bị đơn:** Ông A D, sinh năm 1952 và bà Y D, sinh năm 1959.

Địa chỉ: Cùng trú tại: Thôn Long Loi, thị trấn Đ H, huyện Đ H, tỉnh Kon Tum

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Ông A D và bà Y D phải có trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ A số tiền là 78.164.109 đồng (*Bảy mươi tám triệu, một trăm sáu mươi tư ngàn, một trăm lẻ chín đồng*). Trong đó nợ gốc: 70.000.000 đồng (*Bảy mươi triệu đồng chẵn*); lãi trong hạn: 3.797.260 đồng (*Ba triệu, bảy trăm chín mươi bảy ngàn, hai trăm sáu mươi đồng*), lãi quá hạn: 4.366.849 đồng (*Bốn*

triệu, ba trăm sáu mươi sáu ngàn, tám trăm bốn mươi chín đồng) tiền lãi tính đến ngày 13/8/2020 và tiếp tục tính lãi suất từ ngày 14/8/2020.

Căn cứ Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015: Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó còn phải chịu khoản lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số: N.0105/119 ký ngày 29/03/2019 trên số nợ gốc thực nợ cho đến khi trả hết số nợ gốc.

Trường hợp ông A D và bà Y D không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận thì phía Ngân hàng thương mại cổ phần Đ A có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ, theo Hợp đồng thế chấp số: N0164/TC18 ngày 29/3/2018 mà ký kết giữa ông A D và bà Y D với Ngân hàng TMCP Đ A để thu hồi nợ cho Ngân Hàng.

(Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại Thôn Long Loi, thị trấn Đ H, huyện Đ H, tỉnh Kon Tum. Vị trí lô đất tại tờ bản đồ số 54, thửa đất số 151. Diện tích: 3,526 m² (Ba ngàn năm trăm hai mươi sáu mét vuông). Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W 681225, số vào sổ cấp GCN: 00053 do Ủy ban nhân dân huyện Đ H cấp ngày 15/01/2003 và đăng ký biến động ngày 12/12/2014 và ngày 30/12/2014 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đ H do ông A D và bà Y D đứng tên.

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại Thôn Long Loi, thị trấn Đ H, huyện Đ H, tỉnh Kon Tum. Vị trí lô đất tại tờ bản đồ số 59, thửa đất số 178. Diện tích: 2.132 m² (Hai ngàn một trăm ba mươi hai mét vuông). Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM 986791, số vào sổ cấp GCN: 03210 do Ủy ban nhân dân huyện Đ H cấp ngày 27/11/2013 đăng ký biến động ngày 28/3/2018 do ông A D và bà Y D đứng tên.

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại Thôn Long Loi, thị trấn Đ H, huyện Đ H, tỉnh Kon Tum. Vị trí lô đất tại tờ bản đồ số 59, thửa đất số 179. Diện tích: 1.562,6 m² (Một ngàn năm trăm sáu mươi hai phẩy sáu mét vuông). Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM 986784, số vào sổ cấp GCN: CH 03218 do UBND huyện Đ H, tỉnh Kon Tum cấp ngày 27/11/2013 do ông A D và bà Y D đứng tên.)

Trong đó: riêng diện tích 1.562,6 m² (Một ngàn năm trăm sáu mươi hai phẩy sáu mét vuông) đất nông nghiệp trồng cây lâu năm, thửa đất số: 179, tờ bản đồ số: 59. Địa chỉ thửa đất: Thôn Long Loi, thị trấn Đ H, huyện Đ H, tỉnh Kon Tum. Đất đã được Ủy ban nhân dân huyện Đ H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất BM 986784, ngày 27 tháng 11 năm 2013 mang tên ông A D và bà Y D. Nay mục đích sử dụng đất thay đổi thành đất nông nghiệp (hiện đang trồng lúa).

- Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Căn cứ Điều 155; Điều 157 và Khoản 1 Điều 158 Bộ luật tố tụng dân sự: chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng chẵn) các đương sự phải chịu. Ông A D và bà Y

D nhận chịu toàn bộ, Ngân hàng thương mại cổ phần Đ A đã nộp số tiền tạm ứng 5.000.000 đồng nên ông A D và bà Y D phải hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ A số tiền này.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 144; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Ông A D và bà Y D phải chịu 1.954.102 đồng (*Một triệu chín trăm năm mươi tư ngàn một trăm lẻ hai đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng ông A D và bà Y D thuộc trường hợp người cao tuổi nên được miễn nộp tiền án phí (có đơn xin miễn tiền án phí được chính quyền địa phương xác nhận). Ông A D và bà Y D không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng thương mại cổ phần Đ A không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm: Hoàn trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ A 1.876.000 đồng (*Một triệu tám trăm bảy mươi sáu ngàn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2016/0004267 ngày 10/6/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ H, tỉnh Kon Tum.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Áp dụng Điều 26 Luật thi hành án dân sự: Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TP Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Kon Tum;
- VKSND H. Đ H;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS H. Đ H;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Phạm Trọng Hàn